PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TRONG LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÒA BÌNH THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

Nguyễn Thị Bích Diệp
Trường Đại học Lâm nghiệp

TÓM TẮT

Nghiên cứu này tập trung đánh giá thực trạng phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) trong lĩnh vực nông nghiệp tại tỉnh Hoà Bình trên các khía cạnh: số lượng, quy mô, cơ cấu, chất lượng hoạt động. Nghiên cứu cũng đi sâu phân tích tình hình chuyển dịch cơ cấu doanh nghiệp (DN) theo đặc điểm sở hữu vốn, ngành kinh doanh. Kết quả, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) được đánh giá thông qua các chỉ tiêu doanh thu, chất lượng lao động, nguồn vốn sử dụng và các chỉ tiêu hiệu quả khác. Kết quả nghiên cứu cho thấy, phát triển DNNVV trong lĩnh vực nông nghiệp phù hợp với định hướng phát triển kinh tế của Tỉnh; số lượng và quy mô DN gia tăng; nguồn vốn, kết quả hoạt động SXKD được cải thiện; giải quyết việc làm cho lao động nông thôn, xóa đói giảm nghèo. Đồng thời nghiên cứu chỉ ra những rào cản cần tháo gỡ như: chính sách hỗ trợ, chất lượng lao động, hiệu quả hoạt động SXKD. Từ những đánh giá trên, nghiên cứu đề xuất các giải pháp nhằm phát triển toàn diện DNNVV trong lĩnh vực nông nghiệp tại tỉnh Hòa Bình trong thời gian tới.

Từ khóa: Chính sách hỗ trợ, doanh nghiệp nhỏ và vừa, lĩnh vực nông nghiệp.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Với vai trò là mắt xích quan trọng trong sản xuất, chế biến nâng cao giá trị sản phẩm nông nghiệp, chung sức đưa nông nghiệp ra "biển lớn" hướng đến các thị trường trong khu vực và thế giới. DNNVV trong lĩnh vực nông nghiệp đã nhận được đã quan tâm đặc biệt của Nhà nước và chính quyền địa phương các cấp. Trong những năm qua, nhiều văn bản pháp lý quan trọng liên quan đã được ban hành, bổ sung, sửa đổi nhằm khuyến khích phát triển khối DNNVV đặc biệt DNNVV trong lĩnh vực nông nghiệp.

Thực tế, số DNNVV trong lĩnh vực nông nghiệp trong cả nước hiện chỉ chiếm khoảng 1% tổng số DNNVV trong nền kinh tế và nhiều DN đang có xu hướng ngừng hoạt động, giải thể do không cạnh tranh để đứng vững trên thị trường. Trong 10 tháng đầu năm 2015 có tới 1.820 DN trong lĩnh vực nông nghiệp ngừng hoạt động gấp đôi số DN thành lập mới trong năm (Viện chính sách và chiến lược phát triển nông nghiệp nông thôn, 2016).

Hoà Bình là tỉnh có tiềm năng về đất đai và các điều kiện thích hợp cho phát triển nông nghiệp. Các hoạt động sản xuất nông nghiệp trên địa bàn Tỉnh hiện hầu hết phát triển theo quy mô hộ gia đình và hợp tác xã nhỏ lẻ, manh mún. Số lượng DNVVV trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh hiện chỉ chiếm khoảng 6% tổng số DNVVV trong Tỉnh (Cục thống kê tỉnh Hòa Bình, 2016; 2017; 2018), phần lớn trong số này hoạt động không thực sự hiệu quả, năng lực hoạt động yếu, liên kết kém từ đó mà không phát huy được tiềm năng phát triển nông nghiệp của Tỉnh (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hòa Bình, 2018). Trong bối cảnh khoa học công nghệ nông nghiệp phát triển mạnh mẽ, việc phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất lớn lấy nòng cốt phát triển kinh tế tư nhân như hiện nay thì việc thúc đẩy phát triển DNNVV trong lĩnh vực nông nghiệp là hướng đi tất yếu, đây cũng là hướng đi phù hợp với tỉnh Hoà Bình. Theo đó, việc nghiên cứu phát triển DNNVV trong lĩnh vực nông nghiệp làm cơ sở cho việc đề xuất các giải pháp là rất cần thiết và có ý nghĩa thực tiễn.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp thu thập tài liệu, số liệu

Các tài liệu, số liệu được sử dụng trong nghiên cứu lấy từ báo cáo của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thống kê tỉnh Hoà Bình và các số liệu báo cáo có liên quan khác.

2.2. Phương pháp xử lý và phân tích số liệu

Các số liệu được tổng hợp, phân tích chủ yếu dựa trên các phương pháp phân tích thống kê truyền thống: thống kê mô tả, thống kê so

sánh, phân tích tốc độ để đánh giá tình hình phát triển, biến động các DNNVV trong nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Thực trạng triển khai thực thi các chính sách hỗ trợ phát triển DNNVV trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Hòa Bình

Trong những năm gần đây, cùng với việc triển khai các chính sách phát triển DNNVV của Nhà nước, Hòa Bình đã ban hành và thực thi nhiều chính sách hỗ trợ phát triển loại hình DN này trên địa bàn Tỉnh như: (i) Hỗ trợ DNNVV tiếp cận với nguồn tài chính, tín dụng thông qua việc thành lập quỹ bảo lãnh tín dụng cho DNNVV, điều chỉnh giảm lãi suất của các ngân hàng. Các NHTM đã triển khai thực hiện giảm lãi suất, cơ cấu lại nợ, tăng hạn mức tín dụng và cho vay mới, tạo điều kiện thuận lợi trong tiếp cận vốn cho DN, ưu tiên vốn cho DNNVV, lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn và một số đối tượng khác với lãi suất vay của các ngân hàng là 7%/năm, các tổ chức tín dụng là 8%/năm; (ii) Thực hiện chính sách ưu đãi thuế TNDN: áp dụng thuế suất 10 - 15% đối với DN có thu nhập từ trồng trọt, chăn nuôi, chế biến nông nghiệp và thủy sản cho các DN nằm trên địa bàn khó khăn, đặc biệt khó khăn như huyện Đà Bắc, Mai Châu... Chuyển nhóm mặt hàng: phân bón, thức ăn chăn nuôi; máy móc, thiết bị phục vụ cho sản xuất nông nghiệp sang đối tượng không chịu thuế; (iii) Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho DNNVV thông qua mở các lớp quản trị DN với trên 1000 lượt người tham gia, chủ yếu là cán bộ chủ chốt trong DN, theo đó đã khắc phục những thiếu hụt về kiến thức và kỹ năng quản lý, trợ giúp cho các nhà quản lý DN xây dựng chiến lược SXKD, mở rộng thị trường, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của DN.

Nhìn chung, Hòa Bình đã triển khai thực thi khá tốt các chính sách hỗ trợ DNNVV của Nhà nước và đã đạt được kết quả nhất định, đóng góp tích cực việc phát triển khối DN này.

3.2. Thực trạng phát triển DNNVV trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Hoà Bình

(1) Thực trạng số lượng DNNVV trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Hoà Bình

Trong 3 năm qua, số lượng DN đăng ký hoạt động tăng nhanh, đặc biệt trong năm 2017, số lượng đăng ký đạt 174 DN. Tuy nhiên, số DN thực tế đi vào hoạt động chỉ đạt trung bình trên 55% (bảng 1). Điều này cho thấy các DNNVV trong lĩnh vực nông nghiệp ở Hoà Bình đã có sự phát triển, tuy nhiên lĩnh vực này chưa thực sự hấp dẫn.

Bảng 1. Thực trạng số lượng DNNVV trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Hòa Bình (2015 - 2017)

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016		Năm 2017		TĐPTBQ (%)
			Số lượng	Số lượng	TĐPT LH (%)	Số lượng	TĐPT LH (%)	
1	DN ĐKKD	DN	133	137	103,01	174	127,01	114,38
2	DN thực tế hoạt động	DN	86	76	88,37	97	127,63	106,2
3	Tỷ lệ DN thực tế hoạt động/ DN ĐKKD	%	64,66	55,47		55,75		

Nguồn: Tổng hợp số liệu thống kê của Sở KH&ĐT, Cục Thống kê tỉnh Hòa Bình.

(2) Lĩnh vực kinh doanh của DNNVV trong lĩnh vực nông nghiệp ở tỉnh Hòa Bình

Để đánh giá tình hình phát triển DNNVV, ngoài việc đánh giá số lượng DN, cơ cấu lĩnh vực hoạt động cũng là một chỉ tiêu quan trọng. DNNVV trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Hoà Bình phân theo lĩnh vực: nông nghiệp, lâm nghiệp, thuỷ sản trong 3 năm qua cho thấy hầu hết là DN nông nghiệp với trên 67%, các DN trong lĩnh vực thuỷ sản rất hạn chế.

Bảng 2. Thực trạng lĩnh vực kinh doanh của DNNVV trong lĩnh vực nông nghiệp ở Hòa Bình (2015 - 2017)

STT	Chỉ tiêu	Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017	
		Số lượng	Tỷ trọng (%)	Số lượng	Tỷ trọng (%)	Số lượng	Tỷ trọng (%)
I	**Phân theo ngành**						
1	DN nông nghiệp	58	67,44	51	67,11	72	74,23
2	DN lâm nghiệp	26	30,23	19	25,00	18	18,56
3	DN thủy sản	2	2,33	6	7,89	7	7,22
II	**Phân theo tiểu ngành**						
1	DN trồng trọt	32	37,21	27	35,53	41	42,27
2	DN chăn nuôi	13	15,12	15	19,74	14	14,43
4	DN lâm nghiệp	19	22,09	13	17,11	11	11,34
5	DN thủy sản	2	2,33	6	7,89	7	7,22
6	DN chế biến	6	6,98	6	7,89	6	6,19
7	DN dịch vụ đầu vào	14	16,28	9	11,84	18	18,56
	Tổng	**86**	**100**	**76**	**100**	**97**	**100**

Nguồn: Số liệu tổng hợp của Cục Thống kê tỉnh Hòa Bình.

Phân tích chi tiết các theo tiêu ngành cho thấy, trong lĩnh vực nông nghiệp, số lượng DNNVV trồng trọt chiếm tỷ lệ cao nhất qua 3 năm 2015 - 2017 từ 35 - 42%; Tiếp đến là DN chăn nuôi chiếm bình quân 14 - 15%; Số lượng DN hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ đầu vào nông nghiệp có xu hướng tăng nhẹ, trung bình chiếm khoảng 15%, còn lại là các DN hoạt động trong các lĩnh vực khác.

Nhìn chung, số lượng DN phân theo tiểu ngành khá phân tán, số lượng DN hoạt động trong lĩnh vực chế biến khá ít. Điều này cho thấy hoạt động gia công, chế biến các sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Hoà Bình còn chưa phát triển. Các DN hiện mới chỉ tập trung vào khâu sản xuất. Các DN dịch vụ đầu vào nông nghiệp chủ yếu cung cấp cây, con giống, thuốc bảo vệ thực vật, ươm cây giống.

3.3. Thực trạng chuyển dịch cơ cấu DNNVV trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Hoà Bình

(1) Chuyển dịch cơ cấu theo ngành

Cơ cấu DNNVV trong lĩnh vực nông nghiệp phân theo ngành gồm: Nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp trong 3 năm qua chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng DN nông nghiệp, giảm tỷ trọng lâm nghiệp và thuỷ sản (bảng 2). Cơ cấu này hoàn toàn phù hợp với đặc điểm tự nhiên của Tỉnh, đồng thời phù hợp với mục tiêu phát triển nông nghiệp của Tỉnh đến này 2020: nông nghiệp chiếm 82,61%, lâm nghiệp chiếm 11,23% và thủy sản chiếm 6,16%; đến năm 2030 cơ cấu ngành nông nghiệp là: Nông nghiệp chiếm 76,37%, lâm nghiệp chiếm 12,23% và thủy sản chiếm 11,40% (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hòa Bình, 2018).

(2) Chuyển dịch cơ cấu theo loại hình doanh nghiệp

Các DNNVV trên địa bàn tỉnh Hoà Bình phân theo vốn sở hữu gồm: DN Nhà nước, DN ngoài Nhà nước, DN FDI. Theo cơ cấu này, hầu hết các DNNVV trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn Tỉnh là DN ngoài Nhà nước với hơn 97%; DN Nhà nước hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp hiện chỉ còn 2 DN. Trên địa bàn Tỉnh hiện không có DN FDI nào hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp (bảng 3). Từ cơ cấu này cho thấy, lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn Tỉnh đã thu hút được lượng lớn nhà đầu tư từ khu vực tư nhân. Tuy nhiên, những chính sách thu hút nhà đầu tư nước ngoài vào nông nghiệp trên địa bàn Tỉnh chưa hiệu quả.

Bảng 3. Số lượng DNNVV trong lĩnh vực nông nghiệp theo loại hình DN giai đoạn 2015 - 2017

Đơn vị tính: Doanh nghiệp

STT	Loại hình DN	Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017	
		Số lượng	Cơ cấu (%)	Số lượng	Cơ cấu (%)	Số lượng	Cơ cấu (%)
	Tổng	**86**	**100,00**	**76**	**100,00**	**97**	**100,00**
I	**Theo quan hệ sở hữu vốn**						
1	DN Nhà nước	2	2,33	2	2,63	2	2,06
2	DN ngoài Nhà nước	84	97,67	74	97,37	95	97,94
3	DN FDI	0		0		0	
II	**Theo hình thức pháp lý**						
1	Công ty TNHH	59	68,60	45	59,21	63	64,95
2	Công ty cổ phần	25	29,07	28	36,84	31	31,96
3	DN tư nhân	2	2,33	3	3,95	3	3,09

Nguồn: Số liệu tổng hợp của Cục Thống kê tỉnh Hòa Bình.

(3) Chuyển dịch cơ cấu theo khu vực địa lý

Đặc điểm nổi bật của sự phân bố theo khu vực địa lý của các DNNVV trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Hòa Bình không đồng đều. Phần lớn DNNVV được tập trung tại thành phố Hòa Bình, huyện Lương Sơn, Lạc Thủy là những nơi trung tâm, có vị trí thuận lợi và điều kiện kinh tế khá tốt (Bảng 4). Một số huyện vùng sâu, vùng xa và như các huyện Đà Bắc, Lạc Sơn, Cao Phong, Tân Lạc, phát triển của DNNVV trong lĩnh vực nông nghiệp còn rất khiêm tốn bởi đây là các huyện có địa bàn không thuận lợi như các vùng khác trong tỉnh, xa trung tâm thành phố, điều kiện kinh tế, trình độ khoa học kỹ thuật kém phát triển, ảnh hưởng đến tâm lý các nhà đầu tư.

Bảng 4. Số lượng DNNVV trong lĩnh vực nông nghiệp theo khu vực địa lý giai đoạn 2015 - 2017

Đơn vị tính: Doanh nghiệp

STT	Huyện/thị	Năm 2015		Năm 2016			Năm 2017			TĐPT BQ(%)
		Số lượng	Cơ cấu (%)	Số lượng	Cơ cấu (%)	TĐPT LH (%)	Số lượng	Cơ cấu (%)	TĐPT LH (%)	
1	TP. Hòa Bình	21	24,42	26	34,21	123,81	27	27,84	103,85	113,39
2	Đà Bắc	5	5,81	7	9,21	140,00	6	6,19	85,71	109,54
3	Kỳ Sơn	7	8,14	5	6,58	71,43	9	9,28	180,00	113,39
4	Lương Sơn	25	29,07	19	25,00	76,00	20	20,62	105,26	89,44
5	Kim Bôi	0		0			0			
6	Cao Phong	3	3,49	1	1,32	33,33	3	3,09	300,00	100,00
7	Tân Lạc	1	1,16	1	1,32	100,00	2	2,06	200,00	141,42
8	Mai Châu	5	5,81	3	3,95	60,00	8	8,25	266,67	126,49
9	Lạc Sơn			1	1,32		1	1,03	100,00	
10	Lạc Thủy	13	15,12	10	13,16	76,92	12	12,37	120,00	96,08
11	Yên Thủy	6	6,98	3	3,95	50,00	9	9,28	300,00	122,47
	Tổng	**86**	**100**	**76**	**100**	**88,37**	**97**	**100**	**127,63**	**106,20**

Nguồn: Số liệu tổng hợp của Cục Thống kê tỉnh Hòa Bình.

3.4. Thực trạng chất lượng của các DNNVV trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Hòa Bình

(1) Thực trạng chất lượng lao động trong các DN

Dưới tác động của cổ phần hóa và tái cấu trúc nền kinh tế, lao động trong khu vực của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Hòa Bình vẫn chiếm tỷ lệ khá cao, bình quân trên 200 lao động/DN cao gấp 22 lần so với DN ngoài Nhà nước. Quy mô lao động DN ngoài Nhà nước khá ổn định và tăng đều qua các năm, bình quân trên 10 người/DN do các DN này mở rộng quy mô, tuyển thêm lao động. Xét theo ngành nghề kinh doanh, DN chế biến có lao động bình quân cao nhất khoảng 60 người/DN; DN dịch vụ đầu vào là thấp nhất, 3 người/DN. Nhìn chung, lao động trong các DNNVV trong lĩnh vực nông nghiệp không ổn định về quy mô và số lượng.

Bảng 6. Lao động bình quân của DNNVV trong lĩnh vực nông nghiệp ở tỉnh Hoà Bình

Đơn vị tính: người

STT	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	TĐPTBQ (%)
I	**Theo TP kinh tế**				
1	DN Nhà nước	224,5	215,5	203,5	95,21
2	DN ngoài NN	10,23	12,0	13,24	113,76
II	**Theo tiểu ngành**				
1	DN trồng trọt	21,31	26,07	23,34	104,65
2	DN chăn nuôi	5,15	7,53	9,21	133,76
3	DN lâm nghiệp	12,05	13,69	16,73	117,83
4	DN thủy sản	11,50	10,17	11,14	98,42
5	DN chế biến	66,83	58,83	61,33	95,80
6	DN dịch vụ đầu vào	2,50	2,56	3,39	116,45

Nguồn: Số liệu tổng hợp của Cục Thống kê tỉnh Hòa Bình.

Về trình độ lao động: thực tế cho thấy đội ngũ lao động trong các DNNVV trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Hòa Bình có trình độ thấp, đặc biệt các DN ở các huyện miền núi, vùng sâu, vùng xa. Lực lượng chủ yếu trong các DN là lao động phổ thông chiếm 60,50% cao gấp 5,5 lần so với số lao động có trình độ đại học trở lên, gấp 5 lần so với trình độ cao đẳng và gấp 3,7 lần so với trình độ trung cấp (bảng 7). Trình độ thấp, ý thức kỷ luật trong công việc chưa cao ảnh hưởng đến chất lượng công việc, năng suất lao động của DN. Điều này tạo ra thách thức lớn cho các DN trong việc đổi mới công nghệ, nâng cao trình độ cho người lao động. Chính quyền địa phương bị áp lực trong việc đào tạo nghề cho người lao động nhằm đáp ứng yêu cầu của các nhà tuyển dụng.

Bảng 7. Trình độ lao động của các DNNVV trong lĩnh vực nông nghiệp năm 2017

Đơn vị tính: người

STT	Ngành nghề	Tổng số LĐ	Lao động phổ thông		Trung cấp		Cao đẳng		Đại học trở lên	
			Số lượng	Tỷ trọng (%)	Số lượng	Tỷ trọng (%)	Số lượng	Tỷ trọng (%)	Số lượng	Tỷ trọng (%)
1	DN trồng trọt	957	668	69,80	129	13,48	85	8,88	75	7,84
2	DN chăn nuôi	129	75	58,14	15	11,63	33	25,58	6	4,65
3	DN lâm nghiệp	184	88	47,83	41	22,28	37	20,11	18	9,78
4	DN thủy sản	78	33	42,31	13	16,67	24	30,77	8	10,26
5	DN chế biến	368	173	47,01	78	21,20	26	7,07	91	24,73
6	DN dịch vụ	61	38	62,30	15	24,59	8	13,11	0	-
	TỔNG	**1.777**	**1.075**	**60,50**	**291**	**16,38**	**213**	**11,99**	**198**	**11,14**

Nguồn: Số liệu tổng hợp của Cục Thống kê tỉnh Hòa Bình.

(2) Thực trạng vốn kinh doanh của các DN

Theo kết quả thống kê về vốn kinh doanh của các DNNVV trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Hoà Bình cho thấy vốn kinh doanh của DN Nhà nước với vốn bình quân khá nhỏ, trên 6 tỷ đồng/DN; DN ngoài nhà nước có số vốn khá lớn với trung bình trên 15 tỷ đồng/DN, đặc biệt năm 2017, vốn trung bình của DNNVV ngoài nhà nước đạt trên 33 tỷ đồng/DN (bảng 8). Điều này cho thấy nếu có cơ chế thu hút vốn hợp lý thì tỉnh Hoà Bình có thể thu hút được một lượng lớn vốn ngoài Nhà nước, đặc biệt là nguồn vốn tư nhân cho phát triển nông nghiệp của Tỉnh.

Xét theo ngành nghề kinh doanh, vốn bình quân/1 DN nông nghiệp là cao nhất và ngày càng tăng mạnh. Với các DN trong lĩnh vực lâm nghiệp cũng đang từng bước được nâng lên, năm 2017 vốn SXKD bình quân/DN là 69.950,54 triệu đồng cao hơn gấp 3 lần so với năm 2015, 2016. Vốn bình quân/DN giữa các năm của DN thủy sản có sự biến động lớn do có sự điều chỉnh về vốn đầu tư của các thành viên tham gia.

Bảng 8. Vốn SXKD bình quân trên một DNNVV trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Hòa Bình

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016		Năm 2017		TĐPTBQ (%)
			Giá trị	TĐPTLH (%)	Giá trị	TĐPTLH (%)	
I. Theo TP kinh tế							
1	DN Nhà nước	6.036,25	6.869,16	113,80	6.435,27	93,68	103,25
2	DN Ngoài NN	18.717,32	15.402,66	82,29	33.536,44	217,73	133,86
II. Theo ngành kinh doanh							
1	DN Nông nghiệp	25.281,64	23.621,76	93,43	35.704,61	151,15	118,84
2	DN Lâm nghiệp	22.224,13	20.784,94	93,52	69.950,55	336,54	177,41
3	DN Thủy sản	14.860,05	47.802,71	254,39	15.731,13	41,61	102,89

Nguồn: Số liệu tổng hợp của Cục Thống kê tỉnh Hòa Bình.

(3) Thực trạng kết quả và hiệu quả kinh doanh của các DN

Kết quả và hiệu quả SXKD không chỉ là quan tâm hàng đầu của DN mà còn thể hiện trình độ năng lực quản lý điều hành trong hoạt động SXKD của DN. Kết quả hoạt động SXKD của DNNVV trong lĩnh vực nông nghiệp tỉnh Hoà Bình thể hiện trong bảng 9.

Bảng 9. Kết quả sản xuất kinh doanh của DNNVV trong lĩnh vực nông nghiệp tỉnh Hoà Bình (2015 - 2017)

ĐVT: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017	
		Tổng DT	DT bình quân 1 DN	Tổng DT	DT bình quân 1 DN	Tổng DT	DT bình quân 1 DN
I	**Theo TP kinh tế**	**1.065.712,79**		**1.113.990,49**		**2.150.221,48**	
1	DN Nhà nước	16.753,98	8.376,99	16.386,27	8.193,14	12.273,44	6.136,72
2	DN Ngoài NN	1.048.958,81	12.487,60	1.097.604,22	14.832,49	2.137.948,04	22.504,72
II	**Theo ngành KD**	**1.065.712,79**		**1.113.990,49**		**2.150.221,48**	
1	DN Nông nghiệp	791.950,05	13.654,31	711.095,65	13.943,05	1.636.465,26	22.728,68
2	DN Lâm nghiệp	230.214,24	8.854,39	165.198,84	8.694,68	166.190,58	9.232,81
3	DN Thủy sản	43.548,50	21.774,25	237.696,00	39.616,00	347.565,64	49.652,23

Nguồn: Số liệu tổng hợp của Cục Thống kê tỉnh Hòa Bình.

Hiện nay trên địa bàn Hòa Bình, trong lĩnh vực nông nghiệp chỉ còn 2 DN nhà nước có quy mô nhỏ và vừa chưa cổ phần hóa. Các DN này hoạt động kém hiệu qủa, doanh thu đạt trung bình 6 - 8 tỷ/năm và có xu giảm dần. DN ngoài nhà nước, doanh thu bình quân/ DN có xu hướng tăng mạnh. Năm 2017, doanh thu bình quân các DN này đạt trên 22 tỷ đồng/DN. Xét theo cơ cấu ngành, DN thủy sản đạt kết quả SXKD cao nhất với số doanh thu bình quân với mức từ 20 - 50 tỷ đồng/DN. Các DN ngành lâm nghiệp với đạt mức thấp với khoảng trên 8 tỷ/DN.

Hiệu quả hoạt động SXKD được thể hiện trong bảng 10. Thực tế cho thấy DNNVV trong lĩnh vực nông nghiệp dễ bị tổn thương từ các biến động của nền kinh tế. Theo đó, trong giai đoạn 2015 - 2017 các DN gặp nhiều khó khăn, tỷ lệ các DN báo lỗ khá cao (55 - 60%), cao nhất năm 2016. Trong ba ngành, DN thủy sản tiếp tục chứng minh là ngành đạt hiệu quả SXKD cao nhất, tỷ lệ DN lãi từ 80 - 100%, DN lâm nghiệp hoạt động không hiệu quả mặc dù đã thu hẹp quy mô SXKD, tỷ lệ DN lãi thấp nhất (khoảng 20%), xuất phát từ những đặc thù của ngành cũng như những yếu kém trong quản lý. Hiệu quả hoạt động SXKD của DN nông nghiệp cũng bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh bùng phát, thời tiết bất lợi tác động không tốt đến ngành chăn nuôi, trồng trọt. Năm 2017, với sự vào cuộc của Nhà nước, địa phương thông qua chính sách đã tác động đến hoạt động SXKD của các DN, tỷ lệ DN lỗ giảm nhưng không đáng kể. Nhìn chung kết quả, hiệu quả hoạt động SXKD của các DNNVV trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Hòa Bình chưa cao, chưa đạt được kỳ vọng như mong muốn.

Bảng 10. Hiệu qủa sản xuất kinh doanh của DNNVV trong lĩnh vực nông nghiệp tỉnh Hoà Bình (2015 - 2017)

ĐVT: Doanh nghiệp

TT	Chỉ tiêu	Năm 2015			Năm 2016			Năm 2017		
		Tổng	Lãi	Lỗ	Tổng	Lãi	Lỗ	Tổng	Lãi	Lỗ
1	**DN nông nghiệp**	**58**	**32**	**26**	**51**	**22**	**29**	**72**	**32**	**40**
	Tỷ lệ lãi/lỗ		55,17	44,83		43,14	56,86		44,44	55,56
2	**DN lâm nghiệp**	**26**	**5**	**21**	**19**	**4**	**15**	**18**	**4**	**14**
	Tỷ lệ lãi/lỗ		19,23	80,77		21,05	78,95		22,22	77,78
3	**DN thủy sản**	**2**	**2**	**0**	**6**	**5**	**1**	**7**	**6**	**1**
	Tỷ lệ lãi/lỗ		100	0,00		83,33	16,67		85,71	14,29
	Tổng	**86**	**39**	**47**	**76**	**31**	**45**	**97**	**42**	**55**
	Tỷ lệ lãi/lỗ		45,35	54,65		40,79	59,21		43,30	56,70

Nguồn: Số liệu tổng hợp của Cục Thống kê tỉnh Hòa Bình.

3.5. Đánh giá chung tình hình phát triển DNNVV trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Hòa Bình

(1) Những thành công

Nhờ những nỗ lực trong cải cách và thu hút đầu tư vào nông nghiệp, kết qủa phát triển DNNVV trong lĩnh vực nông nghiệp tỉnh Hoà Bình đã đạt được một số thành công sau: (1) Phát triển DNNVV trong lĩnh vực nông nghiệp về cơ bản phù hợp với định hướng phát triển kinh tế của Tỉnh; (2) Số lượng DNNVV trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn Tỉnh có xu hướng tăng khá nhanh, quy mô hoạt động của DN được mở rộng, doanh thu tăng, nguồn vốn SXKD cải thiện so với trước đây; (3) Phát huy tốt vai trò "trụ cột" trong việc thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp, góp phần giải quyết việc làm cho lao động nông thôn, xóa đói - giảm nghèo; (4) Các DNNVV dịch vụ nông nghiệp ngày càng phát triển đã tạo điều kiện thuận lợi để ngành nông nghiệp của Tỉnh phát triển theo hướng CNH - HĐH, sản xuất hàng hoá quy mô lớn, hiệu quả và phát triển bền vững.

(2) Những tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những thành công về phát triển DNNVV trong lĩnh vực nông nghiệp còn những hạn chế, tồn tại cần tháo gỡ và giải quyết trong thời gian tới: *i) Về chính sách hỗ trợ DN*: kết quả hỗ trợ cho DNNVV chưa được đánh giá thường xuyên; phạm vi, đối tượng được thụ hưởng chính sách còn hạn hẹp, nhiều DN không biết hoặc không tiếp cận được với chính sách hỗ trợ của Nhà nước do tiêu chí không phù hợp với DN, khó tiếp cận các nguồn vốn tín dụng, vốn vay để mở rộng SXKD; Chính sách và chương trình trợ giúp chưa thực sự đáp ứng nhu cầu thực tế của DN, thiếu vắng chính sách đồng bộ dành riêng cho DNNVV, chưa tạo ra động lực đủ mạnh để thu hút đầu tư vào nông nghiệp. Nguồn ngân sách phương còn hạn hẹp nên chưa chủ động bố trí ngân sách để hỗ trợ cho DNNVV. *ii) Về quy mô, số lượng DN:* mặc dù số lượng DNNVV trong lĩnh vực nông nghiệp có xu hướng tăng nhưng còn thấp so với các lĩnh vực khác, chủ yếu là các DN có quy mô nhỏ và siêu nhỏ*;* chưa có các DN chế biến nông, thủy sản làm giảm sút giá trị gia tăng của sản phẩm nông nghiệp, thiệt hại về kinh tế. Các DN chế biến lâm sản có quy mô vừa và nhỏ còn chưa nhiều, chưa phát huy được lợi thế của Tỉnh về lâm nghiệp. *iii) Về chuyển dịch cơ cấu DN:* cơ cấu theo loại hình DN chuyển dịch khá hợp lý tuy nhiên chưa lôi cuốn được sự tham gia của các DN FDI trong lĩnh vực nông nghiệp đặc biệt là các DN có quy mô nhỏ và vừa. Sự chuyển dịch cơ cấu theo khu vực địa lý chưa đồng đều, thường tập trung ở các trung tâm, các vùng có điều kiện thuận lợi cho giao lưu kinh tế. *iv) Về chất lượng hoạt động của các DN*: lao động trong DN còn hạn chế về trình độ và năng lực ảnh hưởng đến chất lượng công việc; hiệu quả hoạt động kinh doanh thấp; còn yếu kém trong quản lý chi phí, chưa tiết kiệm chi phí để tăng lợi nhuận ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động SXKD của các DNNVV trong lĩnh vực nông nghiệp.

3.6. Một số giải pháp phát triển DNNVV trong lĩnh vực nông nghiệp tỉnh Hòa Bình

(1) Đối với địa phương

- Định kỳ, tổ chức đánh giá kết quả thực thi chính sách hỗ trợ DNNVV;

- Triển khai tốt các chính sách hỗ trợ phát triển DNNVV trong lĩnh vực nông nghiệp của Nhà nước;

- Dành một phần nguồn lực tương xứng hàng năm để thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển DNNVV trong lĩnh vực nông nghiệp. Xây dựng cơ chế, chính sách riêng của Tỉnh đối với đối tượng này nhằm thu hút nguồn lực phát triển kinh tế địa phương;

- Giảm thiểu các điều kiện hỗ trợ để mở rộng đối tượng được hỗ trợ, tạo cơ hội tiết giảm chi phí tham gia thị trường, thúc đẩy làn sóng khởi nghiệp trong nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn Tỉnh;

- Hình thành và phát triển các DN chế biến nông sản, thủy sản nhằm nâng cao giá trị sản phẩm nông nghiệp, tránh tình trạng mất giá chính vụ và giảm thiểu thiệt hại kinh tế cho DN và địa phương, hướng đến tiêu thụ trên thị trường khu vực và thế giới.

(2) Đối với DN

- Tranh thủ tối đa sự hỗ trợ của Nhà nước, địa phương để phát triển, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và các nguồn lực khác của DN.

- Các DN cần chủ động và tích cực tham gia liên kết, hợp tác trong SXKD với các DN trong và ngoài tỉnh.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực: trong nền kinh tế hội nhập nguồn nhân lực đã và đang trở thành yếu tố có tính chất quyết định đối với sự tồn tại và phát triển của DN. Do vậy, đòi hỏi các DN cần trích kinh phí để đầu tư thích đáng cho công tác đào tạo và phát triển nguồn lực; đồng thời sử dụng có hiệu quả kinh phí đào tạo do địa phương, Nhà nước hỗ trợ.

- Để tiếp cận được với các chính sách hỗ trợ của Nhà nước, địa phương bản thân các DN cần phải đổi mới tư duy, chủ động xây dựng các phương án, kế hoạch kinh doanh khả thi, hiệu quả; hoàn thiện lại cơ cấu tổ chức quản lý, chính những điều này sẽ quyết định sự thành công của DN.

4. KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng phát triển DNNVV trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Hòa Bình trong thời gian qua phù hợp với định hướng phát triển kinh tế của Tỉnh và mang lại những kết quả khá ấn tượng: số lượng và quy mô DN gia tăng; chuyển dịch cơ cấu khá hợp lý; nguồn vốn, kết quả hoạt động SXKD của DN được cải thiện; giải quyết việc làm cho lao động nông thôn, xóa đói giảm nghèo. Bên cạnh đó, nghiên cứu cũng đưa ra những hạn chế cần được hoàn thiện trong thời gian tới như: chất lượng lao động thấp, hiệu quả hoạt động SXKD kém; chính sách hỗ trợ còn thiếu đồng bộ, chưa tạo ra động lực đủ mạnh để thu hút đầu tư vào nông nghiệp. Để phát triển DNNVV trong lĩnh vực nông nghiệp toàn diện và bền vững cần thực hiện đồng bộ các giải pháp nghiên cứu đã chỉ ra từ phía địa phương và DN.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cục thống kê tỉnh Hòa Bình (2016, 2017, 2018). *Niên giám thống kê tỉnh Hòa Bình 2015, 2016, 2017.* Nxb. Thống kê.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hòa Bình (2018). *Báo cáo rà soát, điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển ngành nông nghiệp tỉnh Hòa Bình đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.*

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình (2015, 2016, 2017). *Danh sách doanh nghiệp đăng ký kinh doanh.*

4. Viện chính sách và chiến lược phát triển nông nghiệp nông thôn (2016). *Báo cáo chính sách - thực trạng phát triển doanh nghiệp nông lâm thủy sản trong 5 năm gần đây.*

DEVELOPING THE SMALL AND MEDIUM ENTERPRISES IN AGRICULTURE SECTOR IN THE PROVINCE OF HOA BINH REALILY AND SOLUTIONS

Nguyen Thi Bich Diep

Vietnam National University of Forestry

SUMMARY

This study focuses on evaluating the development status of small and medium enterprises in the agriculture sector in Hoa Binh province in terms of quantity, size, structure, and quantity of their operation. This study also deeply analyzes the situation of enterprises restructuring according to the characteristics of capital and business sectors. The results, as well as the efficiency of production and business activities, are assessed through the turn over the target, labor quantity, capital use, and other effective indicators. The research results show that small and medium enterprises development is suitable for orientation of development in the province, increasing quantity and size of enterprises, improving capital, production, and business activities, solving job problems for rural workers, reducing poverty and eliminating hunger. At the same time, the study points out the barriers that need solving such as supporting policies, the quantity of labor, production efficiency and business activities. From the above assessment, some solutions are proposed for comprehensive development of small and medium enterprises in Hoa Binh province in the coming time.

Keywords: Agriculture sector, small and medium enterprises, supporting policies.

Ngày nhận bài : 17/12/2018
Ngày phản biện : 26/3/2019
Ngày quyết định đăng : 02/4/2019